

Số: 23/2024/QĐST-DS

Thạch An, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Văn V

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng

- *Bị đơn:* Đinh Văn M

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Bé Thị D**

Nơi cư trú: Xóm Nà Lặng, xã Trọng Con, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

2. **Nông Thị Thu Hiền**

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng

3. **Đinh Thị T**

Nơi cư trú: Xóm Nà Lặng, xã Trọng Con, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

4. **Đinh Hoài Thu**

Nơi cư trú: Thôn Thiện Tổ, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Thửa đất số 09 tờ bản đồ số 72 diện tích 336m², đất ở tại nông thôn hiện nay hộ ông Đinh Văn M, bà Nông Thị Thu H đang sử dụng các bên thống nhất sử dụng theo vị trí, ranh giới đã được công nhận quyền sử dụng đất cho theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 419609 do UBND huyện T cấp ngày 23/01/2009 cho hộ ông Đinh Văn M bà Nông Thị H. Thửa đất được xác định bởi các điểm mốc được đánh số 1 đến 8, vị trí các điểm và các cạnh cụ thể là:

Vị trí	Hệ tọa độ VN2000 105 ⁰ 45'M3		Cạnh	Kích thước (m)
	X (m)	Y (m)		
1	2482509.420	563176.840	1-2	5,71
2	2482503.810	563177.890	2-3	4,02
3	2482500.000	563.179.160	3-4	12,29
4	2482488.930	263184.500	4-5	11,95
5	2482483.400	563173.910	5-6	8,49
6	2482488.820	563167.390	6-7	10,24
7	2482498.350	563163.630	7-8	7,37
8	2482505.690	563164.340	8-1	13,04

- Hộ ông Đinh Văn M, bà Nông Thị Thu H trả lại phần đất đã sử dụng ngoài phạm vi của thửa đất số 09 tờ bản đồ số 72 để trả lại đất cho hộ ông Đinh Văn V, gồm:

+ Phần đất ký hiệu là B thuộc thửa 8 tờ bản đồ 72 (phía Nam thửa 9) có diện tích 20,4m² (cạnh phía Bắc có kích thước 6,94m, cạnh phía Nam có kích thước 8,88m, cạnh phía Đông có kích thước 5,53m) và tháo dỡ kè xây có chiều dài 8,88m.

+ Phần ký hiệu là A thuộc thửa 58 tờ bản đồ số 61 (phía Bắc của thửa 9) có diện tích 41,1m² (cạnh phía Bắc có kích thước 9,72m, cạnh phía Nam có kích thước 11,57m (6,67+4,9), cạnh phía Đông có kích thước 3,79m, cạnh phía Tây có kích thước 4,42m) và tháo dỡ công trình trên đất (Chuồng gà) trả lại đất cho ông V.

- Phần đất có diện tích 44,4m² phía Tây thửa 09, tờ bản đồ số 72 hiện nay hộ ông Đinh Văn M chưa sử dụng hết thuộc quyền sử dụng của hộ ông Đinh Văn M.

(Có sơ đồ trích đo chi tiết kèm theo quyết định)

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền chi phí xem xét thẩm định

tại chỗ thực tế đã chi là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận ông V đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 5.700.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ông M có trách nhiệm trả lại cho ông V số tiền 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS H. Thạch An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mã Hồng Nhung

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân

dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).